TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH ĐẠI** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **43/**2024/HNGĐ-ST
Ngày: 16/5/2024
Về việc tranh chấp: "*Ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Long Hồ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Hoàng Mích;

2. Ông Nguyễn Tường Bích.

***- Thư ký phiên Tòa*:** Bà Lê Thị Kim Tuyết là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre tham gia phiên toà: Ông Phan Hoàng Quí – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 70/2024/TLST–HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2024 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 61/2024/QĐST- HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Trần Thị Bé T**, sinh năm 1992.

ĐKTT: Ấp Long An, xã Long Hòa, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

Nơi ở: Ấp Phú Thạnh, xã Phú Thuận, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

Bị đơn: Anh **Nguyễn Hoàng G**, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Ấp L, xã L, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn xin ly hôn đề ngày 08/12/2023, bản tự khai ngày 15/3/2024 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị Bé T trình bày như sau:*

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị T và anh G tự nguyện tiến tới hôn nhân trên tinh thần tự nguyện, cưới nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện B vào năm 2014. Thời gian đầu sống chung có hạnh phúc nhưng đến tháng 11/2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, dẫn đến thường xuyên cự cãi nhau, không tìm được tiếng nói chung và anh chị đã ly thân từ tháng 11/2023 cho đến nay, mỗi người một cuộc sống riêng, không ai quan tâm ai. Nay, thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa nên chị yêu cầu Tòa án cho ly hôn với anh G.

- *Về con chung:* Quá trình chung sống, vợ chồng anh chị có 02 chung tên là Nguyễn Hoàng K, sinh ngày 23/12/2014, Nguyễn Ngọc Gia H, sinh ngày 02/11/2021. Khi ly hôn chị T yêu cầu nuôi 02 con chung và không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con. Trường hợp Tòa án cho chị nuôi một cháu thì chị cũng không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con

- *Về tài sản chung:* Không có.

- *Về nợ chung:* Không có.

** Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Bình Đại đã tống đạt hợp lệ cho anh Nguyễn Hoàng G các văn bản tố tụng nhưng anh G vắng mặt không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tại phiên tòa, anh Nguyễn Hoàng G khai như sau:*

- *Về quan hệ hôn nhân:* Anh thống nhất toàn bộ ý kiến với chị Trần Thị Bé T về thời điểm kết hôn, quá trình chung sống cũng như mâu thuẫn vợ chồng. Thời gian đầu sống chung vợ chồng anh có hạnh phúc nhưng đến tháng 11/2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, dẫn đến thường xuyên cự cãi nhau, không tìm được tiếng nói chung và anh chị đã ly thân từ tháng 11/2023 cho đến nay, mỗi người một cuộc sống riêng, không ai quan tâm ai. Nay, thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa nên chị yêu cầu ly hôn thì anh đồng ý.

- *Về con chung:* Quá trình chung sống, vợ chồng anh chị có 02 chung tên là Nguyễn Hoàng K, sinh ngày 23/12/2014, Nguyễn Ngọc Gia H, sinh ngày 02/11/2021. Tại phiên tòa, anh G yêu cầu nuôi 02 con chung và không yêu cầu

chị T cấp dưỡng nuôi con. Trường hợp Tòa án cho anh nuôi một cháu thì anh cũng không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung:* Không có.

- *Về nợ chung:* Không có.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Đối với Thẩm phán có chấp hành tốt theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, thực hiện đúng các nguyên tắc do pháp luật quy định. Đối với những người tham gia tố tụng thì nguyên đơn chấp hành tốt, bị đơn vắng mặt tại các phiên tòa giải không lý do là vi phạm nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng các Điều 51, 55, 81, 82, 83, 84, 119 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị Bé T và anh Nguyễn Hoàng G.

- Về con chung: Giao 02 con chung tên Nguyễn Hoàng K, sinh ngày 23/12/2014, Nguyễn Ngọc Gia H, sinh ngày 02/11/2021 cho chị Trần Thị Bé T được trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện chị Trần Thị Bé T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị T và anh G khai không có, nên không xét đến.

- Về nợ chung: Chị T và anh G khai không có, nên không xét đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về thủ tục tố tụng:*

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Trần Thị Bé T khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với anh Nguyễn Hoàng G1 đó, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ

án này được xác định là "Ly hôn" theo quy định tại khoản 14 Điều 3 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn anh Nguyễn Hoàng G2 đăng ký thường trú và hiện đang sinh sống tại ấp L, xã L, huyện B, tỉnh Bến Tre. Căn cứ theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại.

- *Về nội dung vụ án:*

[3] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị T và anh G cưới nhau vào năm 2014 trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện B, tỉnh Bến Tre theo Giấy chứng nhận kết hôn số 09, quyển số 01/2014 ngày 13/3/2014 theo đúng quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh G được công nhận hợp pháp.

Nay, chị T yêu cầu ly hôn anh G. *Hội đồng xét xử xét thấy:* Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như lời khai của chị T trong quá trình giải quyết vụ án và lời trình bày của anh G tại phiên tòa, đều xác định được cuộc sống vợ chồng của anh chị đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không cùng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cự cãi nên anh chị đã ly thân từ tháng 11/2023 cho đến nay, mỗi người đã có một cuộc sống riêng, không ai quan tâm đến ai.

Toà án đã tiến hành mời chị T và anh G để hoà giải, nhằm cho các bên có cơ hội hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh G vẫn vắng mặt các phiên hòa giải không lý do, điều đó cho thấy anh G đã không còn quan tâm đến cuộc hôn nhân này. Tại phiên tòa, anh G cũng xác định vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, không hàn gắn được. Vì vậy, có cơ sở để Hội đồng xét xử xác định giữa chị T và anh G đã không còn quan tâm, chăm sóc đến cuộc sống của nhau, không cùng nhau chia sẻ thực hiện các công việc trong gia đình. Điều đó cũng chứng tỏ quan hệ hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại phiên tòa, chị Trần Thị Bé T yêu cầu ly hôn thì anh Nguyễn Hoàng G đồng ý. Do đó, căn cứ quy định tại Điều 51, 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị Bé T và anh Nguyễn Hoàng G.

[5] Về nuôi con chung: Trong quá trình sống chung giữa chị T và anh G có 02 con chung tên Nguyễn Hoàng K, sinh ngày 23/12/2014, Nguyễn Ngọc Gia H, sinh ngày 02/11/2021. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được nuôi 02 con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên tòa, anh G cũng yêu cầu được nuôi 02 con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử xét thấy: Các cháu từ nhỏ đã sinh sống cùng chị T, anh G và gia đình anh G. Từ khi ly thân đến nay, anh G và gia đình mình trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hoàng K, sinh ngày 23/12/2014 và cho cháu đi học đầy đủ, sức khỏe tốt; chị T cùng gia đình mình trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Ngọc Gia H, sinh ngày 02/11/2021 phát triển bình thường. Trong khoảng thời gian qua, mặc dù tình cảm anh G, chị T rạn nứt nhưng anh G, chị T vẫn chăm sóc, thăm nom các cháu, đưa rước về chơi hàng tuần bình thường, đều không bị ai ngăn cản, cản trở. Việc chị T, anh G nuôi con chung từ khi ly thân cho đến nay các cháu phát triển bình thường, được học tập đầy đủ, sức khỏe tốt và nhằm để ổn định về mặt tinh thần, quyền lợi về mọi mặt của con chung nên Hội đồng xét xử quyết định giao cháu Nguyễn Hoàng K, sinh ngày 23/12/2014 cho anh Nguyễn Hoàng G trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Nguyễn Ngọc Gia H, sinh ngày 02/11/2021 cho chị Trần Thị Bé T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình và tình hình thực tế hiện nay của chị T và anh G.

[6] Về tài sản chung: Chị Trần Thị Bé T và anh Nguyễn Hoàng G khai không có nên không xét đến.

[7] Về nợ chung: Chị Trần Thị Bé T và anh Nguyễn Hoàng G khai không có nên không xét đến.

[8] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Căn cứ theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chị Trần Thị Bé T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 14 Điều 3, các Điều 51, 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 119 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị Bé T và anh Nguyễn Hoàng G.

Quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị Bé T và anh Nguyễn Hoàng G theo Giấy chứng nhận kết hôn số 09, quyển số 01/2014 ngày 13 tháng 3 năm 2014 của Ủy ban nhân dân xã L, huyện B, tỉnh Bến Tre chấm dứt kể từ ngày Bản án này có hiệu lực pháp luật.

2. Về nuôi con chung:

Giao con chung tên Nguyễn Ngọc Gia H, sinh ngày 02/11/2021 cho chị Trần Thị Bé T trực tiếp nuôi dưỡng. Giao con chung tên Nguyễn Hoàng K, sinh ngày 23/12/2014 cho anh Nguyễn Hoàng G trực tiếp nuôi dưỡng.

Ghi nhận sự tự nguyện chị Trần Thị Bé T, anh Nguyễn Hoàng G không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con lẫn nhau.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84, Điều 119 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, đồng thời theo yêu cầu của chị T, anh G, Tòa án có thể quyết định thay đổi người nuôi con và thay đổi yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Chị Trần Thị Bé T và anh Nguyễn Hoàng G khai không có nên không xét đến.

4. Về nợ chung: Chị Trần Thị Bé T và anh Nguyễn Hoàng G khai không có nên không xét đến.

5. Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Chị Trần Thị Bé T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0003374 ngày 22 tháng 02 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre. Vậy, chị Trần Thị Bé T đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 luật Thi

hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

6. Chị Trần Thị Bé T, anh Nguyễn Hoàng G có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre (Phòng KTNV&THA);
- VKSND huyện Bình Đại;
- Chi cục THADS huyện Bình Đại;
- UBND xã Long Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Phạm Long Hồ